TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày: 11/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Minh

Bà Đặng Thị Thu Hương

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/HSST- QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị C;** Tên gọi khác: C1; Sinh năm: 1977; Nơi ĐKHKTT, nơi ở: Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh N. Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông Bùi Văn C, sinh năm: 1955; Con bà: Vũ Thị H, sinh năm: 1955. Có chồng: Vũ Văn H, sinh năm 1972. Bị cáo có 1 con, sinh năm 1996.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/09/2021 đến ngày 10/9/2021 chuyển tạm giam cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1968

Trú tại: số nhà 169, tổ dân phố số 10, thị trấn N, huyện N tỉnh Nam Định. (Tại phiên tòa, chị T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 27 /07/2021, Công an huyện Nam Trực nhận được đơn tố cáo của chị Đoàn Thị T về việc: Từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021, bị cáo là nhân viên của Cửa hàng gas H, ở số nhà 103, đường T, phường C, thành phố Nam Định đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị T số tiền là 195.750.000 đồng.

Sau khi tiến hành điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực xác định như sau: Năm 2000, chị Phan Thị H, mở cửa hàng kinh doanh gas H là đại lý cấp 1 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P, trụ sở tại Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định. Năm 2004, chị H có hợp đồng bằng miệng thuê bị cáo và anh Đặng Văn T, vào làm tại cửa hàng. Bị cáo được chị H giao cho phụ trách giao dịch với các cửa hàng kinh doanh gas (đại lý gas cấp 2) ở các huyện Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Hải Hậu, Giao Thủy còn anh T được giao làm lái xe ô tô của cửa hàng đi cùng C để bốc xếp gas giao cho các đại lý cấp 2. Các đại lý khi có nhu cầu mua gas thì trực tiếp liên hệ với bị cáo để đặt số lượng. Sau đó, bị cáo nhận gas từ Cửa hàng gas H và đi cùng xe ô tô do anh T điều khiển xuống giao gas cho các đại lý cấp 2, thu lại vỏ bình và thanh toán tiền mang về giao cho chị H. Giá gas được Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P thông báo và niêm yết theo từng tháng tại cửa hàng. Trong quá trình đi giao dịch, bị cáo thông báo miệng về giá gas của từng tháng cho các đại lý cấp 2. Khoảng cuối năm 2019, bị cáo vay mượn khoảng 300 triệu đồng để mua đất kinh doanh nhưng bị lừa mất. Sau đó, những người cho bị cáo vay tiền đòi nợ nên đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của chị Đoàn Thị T là chủ Cửa hàng gas Đ. Khoảng tháng 9/2020, trong một lần giao gas cho chị T, bị cáo nói dối chị T rằng Cửa hàng gas H đang có chương trình khuyến mại, bán hàng với giá ưu đãi chỉ 135.000 đồng/1 bình gas (loại 12kg) cho các cửa hàng thân thiết khi đặt mua gas bằng hình thức đặt cọc tiền trước. Do làm việc với bị cáo nhiều năm nên chị T tin tưởng lời nói của bị cáo và đồng ý mua gas với hình thức trên. Từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021, chị T đã 6 lần đặt mua gas của bị cáo, tổng số lượng là 2100 bình gas và đưa cho bị cáo tổng số tiền là 283.500.000 đồng. Cụ thể: Tháng 9/2020 chị Thúy đặt mua 100 bình gas và đưa cho bị cáo số tiền là 13.500.000 đồng; các ngày 12/10/2020, 22/12/2020, 05/02/2021 mỗi lần đặt mua 300 bình gas và đưa cho bị cáo số tiền là 40.500.000 đồng; ngày 18/04/2021 đặt mua 600 bình gas và đưa cho bị cáo 81.000.000 đồng; ngày 31/05/2021 đặt mua 500 bình gas và đưa cho bị cáo 67.500.000 đồng. Để không bị phát hiện ra hành vi gian dối của bản thân, khi chị T liên hệ để lấy gas, bị cáo vẫn đưa gas xuống giao cho chị T. Từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021, bị cáo đã giao cho chị Thúy 650 bình gas, cụ thể: Ngày 12/10/2020 và ngày 18/10/2020 mỗi ngày giao 20 bình; ngày 24/12/2020 và ngày 31/5/2021 mỗi ngày giao 30 bình; các ngày 04/12/2020, 22/12/2020, 12/01/2021, 26/01/2021, 05/02/2021, 07/03/2021, 27/03/2021, 18/04/2021, 08/05/2021, 24/05/2021 và 16/06/2021 mỗi ngày giao 50 bình. Đối với 650 bình gas này, bị cáo đã lấy số tiền 171.400.000 đồng từ tiền chị T đưa để thanh toán về cửa hàng gas H theo báo giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P với đại lý cấp 2. Số tiền còn lại 112.100.000 đồng bị cáo đã dùng để trả nợ và chi tiêu

cá nhân hết. Đến cuối tháng 6/2021, chị H phát hiện và cho bị cáo nghỉ việc để giải quyết. Khi chị T đến gặp bị cáo thì bị cáo đã thừa nhận hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của chị T và xin trả dần số tiền còn nợ là 195.750.000 đồng (tương ứng với 1.450 bình gas C chưa giao cho chị T theo giá thỏa thuận là 135.000 đồng/1 bình loại 12kg). Sau đó bị cáo bỏ đi khỏi địa phương đến thành phố Nam Định tìm việc làm. Do không liên lạc được với bị cáo, chị T đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Nam Trực đề nghị giải quyết. Đến ngày 02/9/2021, bị cáo biết tin chị T đã làm đơn tố cáo mình nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực đầu thú.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực thu giữ những tài liệu gồm: 01 quyển sổ tay kích (12 x 9) cm, có bìa màu hồng. Bên trong có 3 tờ giấy kẻ ngang có chữ và số viết bằng mực màu đen, mỗi trang đều có chữ ký của chị Đoàn Thị T. Nội dung thể hiện việc giao nhận gas giữa chị T và C trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021; 02 bản sao hợp đồng đại lý giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P và Cửa hàng gas H; 01 bản sao giấy chứng nhận an ninh trật tự; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng; 10 bản thông báo giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P với đại lý cấp 2 từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021. Bảng thông báo giá bán cho đại lý cấp 2 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021.

Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho chị Đoàn Thị T số tiền là 50.000.000 đồng. Chị T đã nhận số tiền trên và có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 145.750.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 15/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Bùi Thị C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Bùi Thị C từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Về TNDS: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo buộc bị cáo phải trả cho chị Đoàn Thị T số tiền đã chiếm đoạt là 145.750.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo không nói lời sau cùng; Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị bị cáo phải bồi thường ngay tại phiên tòa đối với số tiền 145.750.000 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác như: biên bản ghi lời khai bị hại, các tài liệu do công ty TNHH thương mại P, cửa hàng gas H cung cấp... Từ các chứng cứ trên đã đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2021, tại Cửa hàng gas Đ bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, bịa đặt ra thông tin Cửa hàng gas H có chương trình khuyến mãi, bán gas với giá ưu đãi là 135.000 đồng/1 bình gas (loại 12kg) cho các cửa hàng thân thiết khi mua gas bằng hình thức đặt cọc tiền trước, C đã chiếm đoạt của chị Đoàn Thị T số tiền 112.100.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị T là 112.100.000 đồng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi xảy ra hành vi phạm tội bị cáo và gia đình đã bồi thường cho chị Thúy số tiền 50.000.000 đồng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn. Sau khi biết mình bị tố cáo, bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chị tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về hình phạt: Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, tiếp

tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và chị T thỏa thuận mua tổng số lượng là 2100 bình gas với giá là 135.000 đồng/ 1 bình loại 12 kg. Chị T đã đưa cho bị cáo tổng số tiền là 283.500.000 đồng. Bị cáo đã chuyển cho chị T 650 bình gas theo giá của cửa hàng thì số tiền là 171.400.000 đồng. Như vậy, bị cáo chỉ chiếm đoạt được số tiền của chị T là 112.100.000 đồng. Tuy nhiên, chị T trình bày do mua được giá gas rẻ nên chị bán rẻ cho khách hàng, chị đã nhận được của bị cáo là 650 bình gas với giá thỏa thuận quy ra tiền là 87.750.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền của chị đưa cho bị cáo chị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền là 195.750.000 đồng. Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho chị Thúy là 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị yêu cầu bị cáo phải trả luôn toàn bộ số tiền, tuy nhiên bị cáo nhất trí sẽ bồi thường cho chị Thúy số tiền còn lại nhưng để bị cáo trả dần. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo buộc bị cáo phải trả cho chị Đoàn Thị T số tiền đã chiếm đoạt là 145.750.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngoài ra bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm là 145.750.000 đồng x 5% = 7.287.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, chị Thúy có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt Bùi Thị C 03(Ba) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày 02/09/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo buộc bị cáo phải trả cho chị Đoàn Thị T số tiền đã chiếm đoạt là 145.750.000 đồng

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Bùi Thị C phải nộp 200.000(Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 7.287.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, chị Đoàn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo, bị hại có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã T, huyện V;
- Lưu hồ sơ + VP.

Phạm Mạnh Cường

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS+VP.

Phạm Mạnh Cường